

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29-4-2025

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đinh Thị Hải**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Văn Khuyến**

Ông **Nguyễn Như Huy**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Anh Đào** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông **Nông Quang Chung** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 295/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐHPT-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Tống Thị Mỹ L**, sinh năm 1991. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Ông **Vũ Đình T**, sinh năm 1991. Có mặt

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Nguyên đơn bà **Tống Thị Mỹ L** trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông **Vũ Đình T** tự nguyện xây dựng gia đình với nhau từ đầu năm 2014, đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện P ngày 16/4/2014.

Sâu khi kết hôn, cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau, thường bất đồng quan điểm sống, ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Bà đã khuyên nhủ để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên khoảng tháng 8/2023 đến nay, vợ chồng bà đã

sống ly thân nhau, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau nữa. Tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

- *Về con chung*: Không có

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Vũ Đình T trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông và bà L xây dựng gia đình với nhau vào ngày 26/3/2014 trên cơ sở tự nguyện sau khi có thời gian tìm hiểu nhau hơn 01 năm. Ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P.

Sau kết hôn, cuộc sống chung vợ chồng bình thường, thỉnh thoảng có lời qua tiếng lại, giận nhau một lúc rồi lại thôi. Từ khoảng tháng 6, tháng 7/2023, ông đi làm công việc bốc xếp sầu riêng nên thường xuyên xa nhà, ít khi về nhà. Trong thời gian đi làm xa nhà, ông nghi ngờ bà L có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Mặc dù ông không trực tiếp thấy và không nghe ai nói về việc này nhưng ông kiểm tra điện thoại của bà L thì thấy bà L có trò chuyện qua lại với người đàn ông khác là bạn của ông, nội dung trò chuyện giữa hai bên không có gì quá đáng nhưng do ghen tuông nên ông đã gọi người này đến nhà và đánh ông ta nên bà L đã bỏ nhà đi thuê chỗ khác ở. Tết năm 2024, bà L vẫn về nhà ăn tết với ông, đến ngày mừng 6 tết bà L lại bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Tháng 3/2024, bà L về nhà ở khoảng gần 01 tháng lại bỏ nhà đi, từ đó không về nhà nữa. Ông biết vợ ông đang làm công ty dưới Đ và hiện đang có tình cảm với người đàn ông khác nên không muốn về ở với ông nữa. Đã rất nhiều lần ông nói chuyện với bà L, đề nghị bà L quay về nhà nhưng bà L không đồng ý. Từ tháng 4/2024 đến nay, bà L không về nhà, vợ chồng sống mỗi người một nơi, kinh tế riêng biệt. Ngoài ra, vợ chồng ông khó khăn về đường con cái, nguyên nhân do ông. Ngay sau khi kết hôn khoảng 01 năm, vợ chồng ông đã tìm mọi cách chữa trị nhưng vẫn không có kết quả.

Ông vẫn còn tình cảm với bà L nên không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Không có

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn ông T vẫn giữ nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn với bà L.

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị HĐXX tuyên:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà L được ly hôn với ông T.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử tính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn bà Tống Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Vũ Đình T. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn ông T cư trú tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phú Riềng.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà L có đơn xin xét xử vụ án vắng mặt. Căn cứ điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Tống Thị Mỹ L và ông Vũ Đình T tự nguyện xây dựng gia đình với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B (nay là huyện P), tỉnh Bình Phước ngày 16/4/2014. Việc kết hôn là đúng quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Bà L có nguyện vọng muốn ly hôn với ông T vì mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng không thể hàn gắn. Ông T không đồng ý ly hôn nhưng tại phiên toà, ông T thừa nhận ông và bà L đã sống ly thân nhau từ tháng 8/2023 đến nay, vợ chồng sống mỗi người một nơi, kinh tế riêng biệt. Mặt khác, bà L và ông T xây dựng gia đình với nhau từ tháng 4/2014 nhưng không có con chung. Ông T thừa nhận nguyên nhân khó khăn về có con là do ông mặc dù vợ chồng đã tích cực chạy chữa ngay từ sau khi kết hôn được khoảng 01 năm. Căn cứ vào kết quả xác minh tại địa phương thì bà L và ông T thường xảy ra mâu thuẫn với nhau. Do đó, lời khai của bà L về mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng là có cơ sở. Căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả xác minh tại địa phương, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông T là hoàn toàn có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Không có

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

[3]. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 51, 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tống Thị Mỹ L.

Xử cho bà Tống Thị Mỹ L được ly hôn với ông Vũ Đình T.

2/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Tống Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011573 ngày 20/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước. Bà L đã nộp đủ tiền án phí.

Bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND H. Phú Riềng;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Phú Riềng;
- UBND xã Phú Trung ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án. (10)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Hải